

16. Cấp lại/Cấp phó bản văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp

a. Trình tự thực hiện:

- Tiếp nhận đơn: Đơn yêu cầu có thể nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

- Xử lý đơn:

+ Trong trường hợp yêu cầu cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ đáp ứng các quy định, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra quyết định cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ và ghi nhận vào mục đăng bạ của văn bằng bảo hộ tương ứng trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp;

+ Trong trường hợp yêu cầu cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ không đáp ứng được các quy định, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra thông báo từ chối cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ (có nêu rõ lý do).

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

- Qua bưu điện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai (02 tờ theo mẫu);

+ Bản gốc văn bằng bảo hộ bị hỏng;

+ 01 mẫu nhãn hiệu, 01 bộ ảnh chụp bản vẽ kiểu dáng công nghiệp trùng với mẫu nhãn hiệu, bộ ảnh chụp bản vẽ kiểu dáng công nghiệp trong văn bằng bảo hộ gốc;

+ Giấy uỷ quyền (nếu có);

+ Chứng từ nộp phí, lệ phí.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d. Thời hạn giải quyết: 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Sở hữu trí tuệ.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp lại/cấp phó bản văn bằng bảo hộ.

h. Lệ phí: Lệ phí cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp: 120.000 đồng.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp (Mẫu kèm theo).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trong trường hợp sau đây, chủ sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ:

- Văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ bị mất;

- Văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ bị hỏng, rách, bẩn, phai mờ đến mức không sử dụng được.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

- Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;

- Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP;

- Thông tư số 22/2009/TT-BTC ngày 04/02/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.